

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2018-2019

Các lưu ý khi xem thời khóa biểu:

1. Thời gian học:

Các môn học 4,5 tiết/buổi

Sáng: từ 7h00 đến 11h00

Chiều: từ 13h00 đến 17h00

Các môn học 5 tiết/buổi

Sáng: từ 7h00 đến 11h25

Chiều: từ 13h00 đến 17h25

2. Giờ ra chơi:

Sáng: 8:40 - 8:55, Chiều: Từ 14:40 - 14:55

3. Địa điểm học:

97 Võ Văn Tần, P.6, Q.3 (**A.**)

35-37 Hồ Hảo Hớn, Quận 1 (**HHH.**)

55B Nguyễn Thị Minh Khai, Q1 (**HOBOL**)

219 Lý Thường Kiệt, Quận 10 (**SPT**)

4. Các môn Tiếng Anh không chuyên, Tiếng Nhật, Tiếng Hoa, Tiếng Hàn: Sinh viên học theo nhóm

5. Các môn học học bằng Tiếng Anh của các ngành khối Kinh tế: ghi chú (TA) sau tên các môn học.

Mã MH	Tên môn học	Số tiết	Số tiết/buổi	Mã GV	Tên GV		Lớp	Nhóm	Thứ	Buổi	Phòng	Thời gian học	Ghi chú
NGÀNH KẾ TOÁN													
BADM3321	Thiết lập & thẩm định dự án ĐT	45	4.5	KI146	Nguyễn Đức	Vinh	KT15DB01	KFD1	2	Sáng	A.309	14/01/19-08/04/19	
ACCO3308	Kế toán đơn vị sự nghiệp	45	4.5	KK029	Trần Thị	Vinh	KT15DB01	KFD1	5	Sáng	A.309	17/01/19-11/04/19	
ACCO3323	Kiểm toán 1 (TA) - ACCA F8	45	4.5	KK061	Hồ Hữu	Thụy	KT16DB01	KGD1	3	Sáng	A.309	15/01/19-09/04/19	
FINA3321	Nghiệp vụ ngân hàng TM (ĐB)	45	4.5	KT029	Trần Thế	Sao	KT16DB01	KGD1	4	Sáng	A.309	16/01/19-10/04/19	
ACCO3303	Hệ thống thông tin kế toán 2	45	4.5	KK016	Vũ Quốc	Thông	KT16DB01	KGD1	5	Sáng	A.PM407	17/01/19-11/04/19	
ACCO2303	Kế toán tài chính quốc tế 1 (TA)	45	4.5	KK045	Phạm Minh	Vương	KT16DB01	KGD1	6	Chiều	A.307	18/01/19-12/04/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
ACCO1401	Kế toán trong doanh nghiệp(TA)	60	4.5	KK061	Hồ Hữu	Thụy	KT17DB01	K7D1	2	Sáng	A.306	14/01/19-06/05/19	4 lớp kế toán Khóa 2017 được chia 3 nhóm ở các môn Kế toán trong ĐN Kế
ACCO3315	Hệ thống thông tin kế toán 1	45	4.5	KK016	Vũ Quốc	Thông	KT17DB01	K7D1	3	Sáng	A.PM407	15/01/19-09/04/19	
POLI2301	Đường lối CM của Đảng CSVN	45	4.5	GV681	Ngô Thị Kim	Liên	KT17DB01	K7D1	4	Sáng	A.306	16/01/19-10/04/19	
ACCO3401	Kế toán tài chính 2	60	4.5	KK019	Hồ Xuân	Thủy	KT17DB01	K7D1	6	Sáng	A.306	18/01/19-10/05/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
ACCO1401	Kế toán trong doanh nghiệp(TA)	60	4.5	KK065	Nguyễn Anh Hoàng	Sơn	KT17DB02	K7D2	3	Sáng	A.306	15/01/19-07/05/19	
ACCO3315	Hệ thống thông tin kế toán 1	45	4.5	KK016	Vũ Quốc	Thông	KT17DB02	K7D2	4	Sáng	A.PM407	16/01/19-10/04/19	
ACCO3401	Kế toán tài chính 2	60	4.5	KK019	Hồ Xuân	Thủy	KT17DB02	K7D2	4	Chiều	A.409	16/01/19-08/05/19	
POLI2301	Đường lối CM của Đảng CSVN	45	4.5	AV185	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	KT17DB02	K7D2	5	Sáng	A.306	17/01/19-11/04/19	

Mã MH	Tên môn học	Số tiết	Số tiết/b uổi	Mã GV	Tên GV		Lớp	Nhóm	Thứ	Buổi	Phòng	Thời gian học	Ghi chú	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						Trong đó, Kế toán tài chính 2 và Đường lối CM Đảng CSVN	
ACCO3315	Hệ thống thông tin kế toán 1	45	4.5	KK016	Vũ Quốc	Thông	KT17DB03	K7D3	3	Chiều	A.PM407	15/01/19-09/04/19		
ACCO3401	Kế toán tài chính 2	60	4.5	KK019	Hồ Xuân	Thủy	KT17DB03	K7D3	4	Sáng	A.305	16/01/19-08/05/19		
POLI2301	Đường lối CM của Đảng CSVN	45	4.5	GV636	Trần Duy	Mỹ	KT17DB03	K7D3	4	Chiều	A.306	16/01/19-10/04/19		
ACCO1401	Kế toán trong doanh nghiệp(TA)	60	4.5	KK065	Nguyễn Anh Hoàng	Son	KT17DB03	K7D3	6	Chiều	A.306	18/01/19-10/05/19		
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm							
ACCO3315	Hệ thống thông tin kế toán 1	45	4.5	KK016	Vũ Quốc	Thông	KT17DB04	K7D4	5	Chiều	A.PM407	17/01/19-11/04/19		
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm							
COMP1401	Tin học đại cương	45	4.5	KI162	Phạm Chí	Công	KT18DB01	K8D1	2	Sáng	A.PM407	14/01/19-08/04/19	3 lớp Kế toán khóa 2018 chia 2 nhóm ở môn Luật Kinh tế, Những NLCB CN Mac - Lênin (P1), Kinh tế vĩ mô 1, Lý thuyết xác suất & thống kê	
GLAW3301	Luật kinh tế	45	4.5	KI182	Lê Thị Tuyết	Hà	KT18DB01	K8D1	3	Sáng	A.313	15/01/19-09/04/19		
POLI1201	Những NLCB CN Mac - Lênin (P1)	30	4.5	GV122	Phạm Thị	Đoạt	KT18DB01	K8D1	4	Sáng	A.313	16/01/19-20/03/19		
ECON1302	Kinh tế vĩ mô 1	45	4.5	KI184	Lê Thanh	Tùng	KT18DB01	K8D1	5	Sáng	A.313	17/01/19-11/04/19		
MATH1304	Lý thuyết xác suất & thống kê	45	4.5	GV114	Võ Thanh	Hải	KT18DB01	K8D1	6	Sáng	A.313	18/01/19-12/04/19		
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm							
GLAW3301	Luật kinh tế	45	4.5	QT140	Bùi Ngọc	Tuyền	KT18DB02	K8D2	2	Chiều	A.313	14/01/19-08/04/19		
ECON1302	Kinh tế vĩ mô 1	45	4.5	KI142	Võ Thị Ngọc	Trình	KT18DB02	K8D2	3	Chiều	A.313	15/01/19-09/04/19		
MATH1304	Lý thuyết xác suất & thống kê	45	4.5	GV659	Nguyễn Như	Lân	KT18DB02	K8D2	4	Chiều	A.313	16/01/19-10/04/19		
POLI1201	Những NLCB CN Mac - Lênin (P1)	30	4.5	GV627	Nguyễn Giang	Châu	KT18DB02	K8D2	5	Chiều	A.313	17/01/19-21/03/19		
COMP1401	Tin học đại cương	45	4.5	GV345	Lê Hồng	Thái	KT18DB02	K8D2	6	Chiều	A.PM407	18/01/19-12/04/19		
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm							
COMP1401	Tin học đại cương	45	4.5	GV345	Lê Hồng	Thái	KT18DB03	K8D3	6	Sáng	A.PM407	18/01/19-12/04/19		
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm							
NGÀNH LUẬT KINH TẾ														
BLAW4499	Thực tập TN-Luật Kinh tế ĐTĐB						LK15DB01	LFD1	0	0				
BLAW4202	Pháp luật về xuất nhập khẩu	30	4.5	KI095	Nguyễn Tiến	Hoàng	LK16DB01	LGD1	2	Sáng	A.307	14/01/19-18/03/19		
FINA4306	Quản trị tài chính (KI) (TA)	45	4.5	KT183	Dương Tấn	Khoa	LK16DB01	LGD1	3	Sáng	A.307	15/01/19-09/04/19		
BLAW2303	Luật lao động	45	4.5		Lê Thị Thúy	Hương	LK16DB01	LGD1	4	Sáng	A.307	16/01/19-10/04/19		
BLAW4201	Luật học so sánh	30	4.5	KI153	Nguyễn Đăng	Nghĩa	LK16DB01	LGD1	5	Sáng	A.307	17/01/19-21/03/19		
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm							
POLI2201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30	4.5	GV636	Trần Duy	Mỹ	LK17DB01	L7D1	3	Sáng	A.308	15/01/19-19/03/19		
BLAW1205	Luật tài chính	30	4.5	QT178	Phan Hiền	Minh	LK17DB01	L7D1	4	Sáng	A.308	16/01/19-20/03/19		
BLAW1303	Luật thương mại 1 (TA)	45	4.5	KI188	Trần Văn	Long	LK17DB01	L7D1	5	Sáng	A.308	17/01/19-11/04/19		
BLAW3302	Luật tổ tụng dân sự	45	4.5	KI067	Đặng Thanh	Hoa	LK17DB01	L7D1	6	Sáng	A.308	18/01/19-12/04/19		
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm							

Mã MH	Tên môn học	Số tiết	Số tiết/b uổi	Mã GV	Tên GV		Lớp	Nhóm	Thứ	Buổi	Phòng	Thời gian học	Ghi chú
BLAW3302	Luật tố tụng dân sự	45	4.5	KI051	Nguyễn Văn	Tiến	LK17DB02	L7D2	3	Chiều	A.308	15/01/19-09/04/19	
BLAW1303	Luật thương mại 1 (TA)	45	4.5	KI188	Trần Văn	Long	LK17DB02	L7D2	4	Chiều	A.308	16/01/19-10/04/19	
BLAW1205	Luật tài chính	30	4.5	KT111	Lê Xuân	Quang	LK17DB02	L7D2	5	Chiều	A.308	17/01/19-21/03/19	
POLI2201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30	4.5	AV185	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	LK17DB02	L7D2	6	Chiều	A.308	18/01/19-22/03/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
BLAW2301	Luật hiến pháp	45	4.5	KI172	Lê Thị Hồng	Nhung	LK18DB01	L8D1	3	Chiều	A.309	15/01/19-09/04/19	
SOCI1201	Tâm lý học đại cương	30	4.5	XH016	Trần Thị Thanh	Trà	LK18DB01	L8D1	4	Chiều	A.309	16/01/19-20/03/19	
BLAW1302	Lịch sử NN và pháp luật	45	4.5	KI029	Nguyễn Văn	Trí	LK18DB01	L8D1	5	Chiều	A.309	17/01/19-11/04/19	
ECON1301	Kinh tế vi mô 1	45	4.5	QT272	Đặng Văn	Thanh	LK18DB01	L8D1	6	Chiều	A.309	18/01/19-12/04/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH													
BADM3335	Quản trị kênh phân phối	45	4.5	QT017	Trần Văn	Thị	QT15DB01	QFD1	3	Chiều	A.306	15/01/19-09/04/19	
BADM4319	Phát triển sản phẩm mới	45	4.5	QT517	Nguyễn Anh	Duy	QT15DB01	QFD1	7	Sáng	A.306	19/01/19-13/04/19	
BADM3309	Vận tải và bảo hiểm	45	4.5	QT479	Huỳnh Kim	Tôn	QT15DB02	QFD2	2	Chiều	A.307	14/01/19-08/04/19	
BADM3303	Quản trị vận hành	45	4.5	QT191	Nguyễn Kim	Anh	QT15DB02	QFD2	4	Chiều	A.307	16/01/19-10/04/19	
GLAW4101	Kiến tập						QT16DB01	QGD1		Thông báo lịch học sau			
BADM4302	Truyền thông Marketing TH (TA)	45	4.5	QT511	Nguyễn Lê Thái	Hòa	QT16DB01	QGD1	4	Sáng	A.404	16/01/19-10/04/19	
BADM4310	Marketing dịch vụ	45	4.5	QT332	Nguyễn Trần Cẩm	Linh	QT16DB01	QGD1	5	Chiều	A.412	17/01/19-11/04/19	
BADM3325	Quản trị quan hệ khách hàng	45	4.5	QT267	Nguyễn Đức Hoài	Anh	QT16DB01	QGD1	7	Sáng	A.305	19/01/19-13/04/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
GLAW4101	Kiến tập						QT16DB02	QGD2		Thông báo lịch học sau			
GLAW2301	Luật kinh doanh quốc tế	45	4.5				QT16DB02	QGD2	3	Sáng	A.404	15/01/19-09/04/19	
BADM4301	Quản trị chiến lược (TA)	45	4.5	QT479	Huỳnh Kim	Tôn	QT16DB02	QGD2	5	Sáng	A.404	17/01/19-11/04/19	
BADM3304	Quản trị thương hiệu	45	4.5	DN042	Ngô Thị	Thu	QT16DB02	QGD2	7	Sáng	A.404	19/01/19-13/04/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
BADM3308	Kinh doanh quốc tế (TA)	45	4.5		Lee Myung Ho		QT17DB01	Q7D1	2	Sáng	A.406	14/01/19-08/04/19	
BADM4304	Nghiên cứu Marketing (TA)	45	4.5	QT332	Nguyễn Trần Cẩm	Linh	QT17DB01	Q7D1	4	Sáng	A.406	16/01/19-10/04/19	
BADM4312	Quản trị dự án (TA)	45	4.5	QT306	Hoàng Đình Thảo	Vy	QT17DB01	Q7D1	6	Sáng	A.406	18/01/19-12/04/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
BADM3301	Hành vi khách hàng (ĐH)	45	4.5	QT455	Lê Phúc	Loan	QT17DB02	Q7D2	3	Sáng	A.406	15/01/19-09/04/19	
BADM2304	Quản trị Marketing (TA)	45	4.5	QT198	Hà Thị Thùy	Đương	QT17DB02	Q7D2	4	Sáng	A.412	16/01/19-10/04/19	
BADM2303	Quản trị nhân lực (TA)	45	4.5	QT484	Lê Thị Ngọc	Tú	QT17DB02	Q7D2	7	Sáng	A.406	19/01/19-13/04/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
BADM3308	Kinh doanh quốc tế (TA)	45	4.5	QT496	Cao Minh	Trí	QT17DB03	Q7D3	2	Chiều	A.406	14/01/19-08/04/19	
BADM4304	Nghiên cứu Marketing (TA)	45	4.5	QT254	Hoàng Thị Phương	Thảo	QT17DB03	Q7D3	4	Chiều	A.406	16/01/19-10/04/19	

Mã MH	Tên môn học	Số tiết	Số tiết/b uổi	Mã GV	Tên GV		Lớp	Nhóm	Thứ	Buổi	Phòng	Thời gian học	Ghi chú
BADM4312	Quản trị dự án (TA)	45	4.5	QT306	Hoàng Đình Thảo	Vy	QT17DB03	Q7D3	6	Chiều	A.406	18/01/19-12/04/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
BADM2304	Quản trị Marketing (TA)	45	4.5	QT198	Hà Thị Thùy	Dương	QT17DB04	Q7D4	3	Chiều	A.406	15/01/19-09/04/19	
BADM2303	Quản trị nhân lực (TA)	45	4.5	KT045	Nguyễn Thế	Khải	QT17DB04	Q7D4	4	Chiều	A.412	16/01/19-10/04/19	
BADM3301	Hành vi khách hàng (ĐH)	45	4.5	QT267	Nguyễn Đức Hoài	Anh	QT17DB04	Q7D4	5	Chiều	A.406	17/01/19-11/04/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
BADM3308	Kinh doanh quốc tế (TA)	45	4.5	QT496	Cao Minh	Trí	QT17DB05	Q7D5	3	Chiều	A.307	15/01/19-09/04/19	
BADM4312	Quản trị dự án (TA)	45	4.5	QT306	Hoàng Đình Thảo	Vy	QT17DB05	Q7D5	5	Chiều	A.307	17/01/19-11/04/19	
BADM4304	Nghiên cứu Marketing (TA)	45	4.5	QT332	Nguyễn Trần Cẩm	Linh	QT17DB05	Q7D5	7	Chiều	A.307	19/01/19-13/04/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
BADM1301	Quản trị học (TA)	45	4.5	QT541	Đỗ Thành	Lưu	QT18DB01	Q8D1	3	Sáng	A.405	15/01/19-09/04/19	
BADM2302	Thống kê ứng dụng trong KD	45	4.5	KI016	Tô Thị Kim	Hồng	QT18DB01	Q8D1	4	Sáng	A.405	16/01/19-10/04/19	
POL11201	Những NLCB CN Mac - Lênin (P1)	30	4.5	GV678	Lê Thị	Tuyết	QT18DB01	Q8D1	5	Sáng	A.405	17/01/19-21/03/19	
ECON1301	Kinh tế vi mô I	45	4.5	KI192	Dương Tiến Hà	My	QT18DB01	Q8D1	6	Sáng	A.405	18/01/19-12/04/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
ECON1301	Kinh tế vi mô I	45	4.5	KI192	Dương Tiến Hà	My	QT18DB02	Q8D2	3	Sáng	A.408	15/01/19-09/04/19	
BADM2302	Thống kê ứng dụng trong KD	45	4.5	QT101	Trần Tuấn	Anh	QT18DB02	Q8D2	4	Sáng	A.408	16/01/19-10/04/19	
BADM1301	Quản trị học (TA)	45	4.5	QT486	Thái Thanh	Tuấn	QT18DB02	Q8D2	5	Sáng	A.408	17/01/19-11/04/19	
POL11201	Những NLCB CN Mac - Lênin (P1)	30	4.5	GV657	Nguyễn Thị Thanh	Hà	QT18DB02	Q8D2	6	Sáng	A.408	18/01/19-22/03/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
ECON1301	Kinh tế vi mô I	45	4.5	KI152	Phạm Thị Ngọc	Sương	QT18DB03	Q8D3	3	Chiều	A.405	15/01/19-09/04/19	
BADM2302	Thống kê ứng dụng trong KD	45	4.5	KI016	Tô Thị Kim	Hồng	QT18DB03	Q8D3	4	Chiều	A.405	16/01/19-10/04/19	
BADM1301	Quản trị học (TA)	45	4.5	QT486	Thái Thanh	Tuấn	QT18DB03	Q8D3	5	Chiều	A.405	17/01/19-11/04/19	
POL11201	Những NLCB CN Mac - Lênin (P1)	30	4.5	GV674	Dương Thị Ngọc	Dung	QT18DB03	Q8D3	6	Chiều	A.405	18/01/19-22/03/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
BADM2302	Thống kê ứng dụng trong KD	45	4.5	QT320	Đoàn văn	Phúc	QT18DB04	Q8D4	3	Chiều	A.408	15/01/19-09/04/19	
POL11201	Những NLCB CN Mac - Lênin (P1)	30	4.5	GV122	Phạm Thị	Đoạt	QT18DB04	Q8D4	4	Chiều	A.408	16/01/19-20/03/19	
BADM1301	Quản trị học (TA)	45	4.5	QT541	Đỗ Thành	Lưu	QT18DB04	Q8D4	5	Chiều	A.408	17/01/19-11/04/19	
ECON1301	Kinh tế vi mô I	45	4.5	KI002	Huỳnh Đăng Bích	Vy	QT18DB04	Q8D4	6	Chiều	A.408	18/01/19-12/04/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
POL11201	Những NLCB CN Mac - Lênin (P1)	30	4.5	GV656	Đỗ Văn	Vinh	QT18DB05	Q8D5	3	Chiều	A.404	15/01/19-19/03/19	
BADM1301	Quản trị học (TA)	45	4.5	QT541	Đỗ Thành	Lưu	QT18DB05	Q8D5	4	Chiều	A.404	16/01/19-10/04/19	
ECON1301	Kinh tế vi mô I	45	4.5	KI184	Lê Thanh	Tùng	QT18DB05	Q8D5	5	Chiều	A.404	17/01/19-11/04/19	
BADM2302	Thống kê ứng dụng trong KD	45	4.5	QT101	Trần Tuấn	Anh	QT18DB05	Q8D5	6	Chiều	A.404	18/01/19-12/04/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						

Mã MH	Tên môn học	Số tiết	Số tiết/b uổi	Mã GV	Tên GV		Lớp	Nhóm	Thứ	Buổi	Phòng	Thời gian học	Ghi chú
NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC													
CHEM1302	Hóa học phân tích & Hóa hữu cơ	45	4.5		Nguyễn Trung	Nhân	SH18DB01	S8D1	3	Sáng	A.409	15/01/19-09/04/19	
BIOT2401	Tế bào học	45	4.5	SH463	Hồ Bảo Thùy	Quyên	SH18DB01	S8D1	4	Sáng	A.409	16/01/19-20/03/19	
GLAW1201	Pháp luật đại cương	30	4.5	KI182	Lê Thị Tuyết	Hà	SH18DB01	S8D1	5	Sáng	A.409	17/01/19-21/03/19	
EDUC5209	PP nghiên cứu khoa học (SH)	30	4.5	SH235	Đặng Thanh	Dũng	SH18DB01	S8D1	6	Sáng	A.409	18/01/19-22/03/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG													
FINA3302	Thanh toán quốc tế	45	4.5	KT105	Phan Thị Minh	Huệ	TN15DB01	TFD1	3	Sáng	A.301	15/01/19-09/04/19	
ACCO4302	Kế toán quản trị	45	4.5	KK045	Phạm Minh	Vương	TN15DB01	TFD1	5	Sáng	A.301	17/01/19-11/04/19	
FINA3318	Thuế và hoạt động KD	45	4.5	QT178	Phan Hiền	Minh	TN16DB01	TGD1	2	Chiều	A.305	14/01/19-08/04/19	
FINA3312	Phân tích báo cáo tài chính	45	4.5	KT013	Võ Minh	Long	TN16DB01	TGD1	3	Chiều	A.305	15/01/19-09/04/19	
BADM3321	Thiết lập & thẩm định dự án ĐT (TA)	45	4.5	KI146	Nguyễn Đức	Vinh	TN16DB01	TGD1	4	Chiều	A.305	16/01/19-10/04/19	
FINA3322	Tài chính doanh nghiệp 2 (ĐB) (TA)	45	4.5	KT256	Lê Tuấn	Bách	TN16DB01	TGD1	5	Chiều	A.305	17/01/19-11/04/19	
ECON3309	Mua bán & sáp nhập DN (CTy)	45	4.5	KT201	Trần Hoàng Trúc	Linh	TN16DB01	TGD1	6	Chiều	A.305	18/01/19-12/04/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
BADM1301	Quản trị học (TA)	45	4.5	QT541	Đỗ Thành	Lưu	TN17DB01	T7D1	2	Sáng	A.311	14/01/19-08/04/19	
FINA3320	Thị trường tài chính (TA)	45	4.5	KT193	Nguyễn Lê Ngọc	Hoàn	TN17DB01	T7D1	4	Sáng	A.311	16/01/19-10/04/19	
POLI2201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30	4.5	GV636	Trần Duy	Mỹ	TN17DB01	T7D1	5	Sáng	A.311	17/01/19-21/03/19	
FINA3319	Tài chính doanh nghiệp 1 (TA)	45	4.5	KT255	Đỗ Thị Thanh	Nhàn	TN17DB01	T7D1	6	Sáng	A.311	18/01/19-12/04/19	
ACCO2302	Kế toán tài chính	45	4.5	KT006	Phạm Quốc	Thuần	TN17DB01	T7D1	7	Sáng	A.311	19/01/19-13/04/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
BADM1301	Quản trị học (TA)	45	4.5	QT486	Thái Thanh	Tuấn	TN17DB02	T7D2	2	Chiều	A.311	14/01/19-08/04/19	
ACCO2302	Kế toán tài chính	45	4.5	KT006	Phạm Quốc	Thuần	TN17DB02	T7D2	3	Chiều	A.311	15/01/19-09/04/19	
FINA3320	Thị trường tài chính (TA)	45	4.5	KT193	Nguyễn Lê Ngọc	Hoàn	TN17DB02	T7D2	4	Chiều	A.311	16/01/19-10/04/19	
POLI2201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30	4.5	AV185	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	TN17DB02	T7D2	5	Chiều	A.311	17/01/19-21/03/19	
FINA3319	Tài chính doanh nghiệp 1 (TA)	45	4.5	KT243	Phạm	Hà	TN17DB02	T7D2	6	Chiều	A.311	18/01/19-12/04/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
POLI2201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30	4.5	AV185	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	TN17DB03	T7D3	2	Sáng	A.312	14/01/19-18/03/19	
FINA3319	Tài chính doanh nghiệp 1 (TA)	45	4.5	KT256	Lê Tuấn	Bách	TN17DB03	T7D3	3	Sáng	A.312	15/01/19-09/04/19	
BADM1301	Quản trị học (TA)	45	4.5	QT486	Thái Thanh	Tuấn	TN17DB03	T7D3	4	Sáng	A.312	16/01/19-10/04/19	
ACCO2302	Kế toán tài chính	45	4.5	KT006	Phạm Quốc	Thuần	TN17DB03	T7D3	5	Sáng	A.312	17/01/19-11/04/19	
FINA3320	Thị trường tài chính (TA)	45	4.5	KT183	Đương Tấn	Khoa	TN17DB03	T7D3	6	Sáng	A.312	18/01/19-12/04/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
POLI2201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30	4.5	AV185	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	TN17DB04	T7D4	2	Chiều	A.312	14/01/19-18/03/19	
FINA3319	Tài chính doanh nghiệp 1 (TA)	45	4.5	KT243	Phạm	Hà	TN17DB04	T7D4	3	Chiều	A.312	15/01/19-09/04/19	
BADM1301	Quản trị học (TA)	45	4.5	QT486	Thái Thanh	Tuấn	TN17DB04	T7D4	4	Chiều	A.312	16/01/19-10/04/19	

Mã MH	Tên môn học	Số tiết	Số tiết/b uổi	Mã GV	Tên GV		Lớp	Nhóm	Thứ	Buổi	Phòng	Thời gian học	Ghi chú
ACCO2302	Kế toán tài chính	45	4.5	KT006	Phạm Quốc	Thuần	TN17DB04	T7D4	5	Chiều	A.312	17/01/19-11/04/19	
FINA3320	Thị trường tài chính (TA)	45	4.5	KT183	Dương Tấn	Khoa	TN17DB04	T7D4	6	Chiều	A.312	18/01/19-12/04/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
ECON1301	Kinh tế vi mô 1	45	4.5	GV310	Bùi Anh	Sơn	TN18DB01	T8D1	2	Sáng	A.301	14/01/19-08/04/19	
MATH1304	Lý thuyết xác suất & thống kê	45	4.5	GV673	Nguyễn Đăng	Minh	TN18DB01	T8D1	4	Sáng	A.301	16/01/19-10/04/19	
FINA1301	Tiền tệ và Ngân hàng	45	4.5	KT029	Trần Thế	Sao	TN18DB01	T8D1	6	Sáng	A.301	18/01/19-12/04/19	Nghi ngày 18/01
POLI1201	Những NLCB CN Mac - Lênin (P1)	30	4.5	GV627	Nguyễn Giang	Châu	TN18DB01	T8D1	7	Sáng	A.301	19/01/19-23/03/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
MATH1304	Lý thuyết xác suất & thống kê	45	4.5	GV673	Nguyễn Đăng	Minh	TN18DB02	T8D2	3	Chiều	A.301	15/01/19-09/04/19	
ECON1301	Kinh tế vi mô 1	45	4.5	QT272	Đặng Văn	Thanh	TN18DB02	T8D2	4	Chiều	A.301	16/01/19-10/04/19	
POLI1201	Những NLCB CN Mac - Lênin (P1)	30	4.5	GV678	Lê Thị	Tuyết	TN18DB02	T8D2	5	Chiều	A.301	17/01/19-21/03/19	
FINA1301	Tiền tệ và Ngân hàng	45	4.5	KT029	Trần Thế	Sao	TN18DB02	T8D2	6	Chiều	A.301	18/01/19-12/04/19	Nghi ngày 18/01
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
MATH1304	Lý thuyết xác suất & thống kê	45	4.5	GV673	Nguyễn Đăng	Minh	TN18DB03	T8D3	3	Sáng	A.305	15/01/19-09/04/19	
FINA1301	Tiền tệ và Ngân hàng	45	4.5	KT029	Trần Thế	Sao	TN18DB03	T8D3	4	Chiều	A.411	16/01/19-10/04/19	
ECON1301	Kinh tế vi mô 1	45	4.5	QT272	Đặng Văn	Thanh	TN18DB03	T8D3	5	Sáng	A.305	17/01/19-11/04/19	
POLI1201	Những NLCB CN Mac - Lênin (P1)	30	4.5	GV674	Dương Thị Ngọc	Dung	TN18DB03	T8D3	6	Sáng	A.305	18/01/19-22/03/19	
	Tiếng Anh không chuyên						Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm						
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH													
ENGL2310	Nghịệp vụ văn phòng	45	4.5	AV063	Mai Trí	Bình	TA15DB01	AFD1	2	Sáng	HHH.504	14/01/19-08/04/19	
ENGL4219	Anh ngữ kinh doanh	30	4.5	NN243	Bùi Đỗ Công	Thành	TA15DB01	AFD1	4	Sáng	HHH.504	16/01/19-20/03/19	
ENGL4205	Nghịệp vụ/g.dịch ngân hàng(NN)	30	4.5	NN108	Trần Thị Quý	Thu	TA15DB01	AFD1	6	Sáng	HHH.504	18/01/19-22/03/19	
ENGL4205	Nghịệp vụ/g.dịch ngân hàng(NN)	45	4.5	NN301	Lê Tấn	Phước	TA15DB02	AFD2	3	Sáng	HHH.504	15/01/19-19/03/19	
ENGL4219	Anh ngữ kinh doanh	30	4.5	NN243	Bùi Đỗ Công	Thành	TA15DB02	AFD2	5	Sáng	HHH.504	17/01/19-21/03/19	
ENGL2310	Nghịệp vụ văn phòng	30	4.5	NN397	Lâm Thị Tường	Vi	TA15DB02	AFD2	7	Sáng	HHH.504	19/01/19-13/04/19	
GCHI1305	Tiếng Hoa 5	45	4.5	AV075	Trương Vỹ	Quyền	TA16DB01,2	AGD1	2	Chiều	HHH.504	14/01/19-08/04/19	
GJAP1305	Tiếng Nhật 5	45	4.5	NN084	Chu Vũ Như	Nguyễn	TA16DB01,2	AGD1	2	Chiều	HHH.602	14/01/19-08/04/19	
POLI2301	Đường lối CM của Đảng CSVN	45	4.5	GV135	Phạm Kim	Dung	TA16DB01,2	AGD1	5	Sáng	HHH.103	17/01/19-11/04/19	
ENGL4310	Quan hệ công chúng (NN)	45	4.5	QT078	Vân Thị Hồng	Loan	TA16DB01	AGD1	3	Chiều	HHH.602	15/01/19-09/04/19	
ENGL2313	Nguyên lý kế toán (NN)	45	4.5	KK045	Phạm Minh	Vương	TA16DB01	AGD1	4	Sáng	HHH.602	16/01/19-10/04/19	
ENGL3201	Ngữ âm - Âm vị học	30	4.5	AV032	Nguyễn Thúy	Nga	TA16DB01	AGD1	6	Sáng	HHH.602	18/01/19-22/03/19	
ENGL3206	Cú pháp - Hình thái học	30	4.5	NN276	Huỳnh Công Minh	Hùng	TA16DB01	AGD1	6	Sáng	HHH.602	05/04/19-17/05/19	

Mã MH	Tên môn học	Số tiết	Số tiết/b uổi	Mã GV	Tên GV		Lớp	Nhóm	Thứ	Buổi	Phòng	Thời gian học	Ghi chú
ENGL2313	Nguyên lý kế toán (NN)	45	4.5	KK045	Phạm Minh	Vương	TA16DB02	AGD2	3	Sáng	HHH.602	15/01/19-09/04/19	
ENGL4310	Quan hệ công chúng (NN)	45	4.5	QT078	Vân Thị Hồng	Loan	TA16DB02	AGD2	4	Chiều	HHH.602	16/01/19-10/04/19	
ENGL3201	Ngữ âm - Âm vị học	30	4.5	AV032	Nguyễn Thủy	Nga	TA16DB02	AGD2	6	Chiều	HHH.602	18/01/19-22/03/19	
ENGL3206	Cú pháp - Hình thái học	30	4.5	NN276	Huỳnh Công Minh	Hùng	TA16DB02	AGD2	6	Chiều	HHH.602	05/04/19-17/05/19	
GCHI1303	Tiếng Hoa 3	45	4.5	NN187	La Thị Thúy	Hiền	TA17DB01,2,3,4	A7D1	6	Sáng	HHH.604	18/01/19-12/04/19	
GJAP1303	Tiếng Nhật 3	45	4.5	NN132	Nguyễn Như	Ngân	TA17DB01,2,3,4	A7D1	6	Sáng	HHH.704	18/01/19-12/04/19	
GJAP1303	Tiếng Nhật 3	45	4.5	NN132	Nguyễn Như	Ngân	TA17DB01,2,3,4	A7D2	6	Chiều	HHH.604	18/01/19-12/04/19	
KORE1303	Tiếng Hàn 3	45	4.5	AV103	Vũ Hồng	Vẹn	TA17DB01,2,3,4	A7D1	6	Sáng	HHH.702	18/01/19-12/04/19	
POLI2302	Những NLCB CN Mac - Lênin (P2)	45	4.5	GV663	Trương Quang	Đức	TA17DB01	A7D1	2	Sáng	HHH.103	14/01/19-08/04/19	4 lớp chia 3 nhóm môn Đọc hiểu 4, Luyện dịch 1 và Nghe nói 5. Môn Những NLCB CN Mac - Lênin (P2) chia 2 nhóm
ENGL2307	Đọc hiểu 4	45	4.5	NN359	Vũ Thị Hồng	Vân	TA17DB01	A7D1	3	Sáng	HHH.604	15/01/19-09/04/19	
ENGL2304	Luyện dịch 1	45	4.5	NN387	Bùi Quốc	Chính	TA17DB01	A7D1	4	Sáng	HHH.604	16/01/19-10/04/19	
ENGL3301	Nghe nói 5	45	4.5	NN396	Quản Mỹ Cẩm	Tú	TA17DB01	A7D1	5	Sáng	HHH.604	17/01/19-11/04/19	
POLI2302	Những NLCB CN Mac - Lênin (P2)	45	4.5	GV663	Trương Quang	Đức	TA17DB02	A7D2	2	Chiều	HHH.103	14/01/19-08/04/19	
ENGL3301	Nghe nói 5	45	4.5	NN359	Vũ Thị Hồng	Vân	TA17DB02	A7D2	3	Chiều	HHH.604	15/01/19-09/04/19	
ENGL2307	Đọc hiểu 4	45	4.5	NN390	Hồ Thị Xuân	Vương	TA17DB02	A7D2	4	Chiều	HHH.604	16/01/19-10/04/19	
ENGL2304	Luyện dịch 1	45	4.5	NN091	Lý Thị Mỹ	Hạnh	TA17DB02	A7D2	5	Chiều	HHH.604	17/01/19-11/04/19	
POLI2302	Những NLCB CN Mac - Lênin (P2)	45	4.5	GV663	Trương Quang	Đức	TA17DB03	A7D1	2	Sáng	HHH.103	14/01/19-08/04/19	
ENGL2307	Đọc hiểu 4	45	4.5	NN395	Nguyễn Thủy	Tiên	TA17DB03	A7D3	3	Chiều	HHH.504	15/01/19-09/04/19	
ENGL3301	Nghe nói 5	45	4.5	NN359	Vũ Thị Hồng	Vân	TA17DB03	A7D3	4	Chiều	HHH.504	16/01/19-10/04/19	
ENGL2304	Luyện dịch 1	45	4.5	NN301	Lê Tấn	Phước	TA17DB03	A7D3	5	Chiều	HHH.504	17/01/19-11/04/19	
ENGL1306	Viết 1	45	4.5				TA18DB01	A8D1	2	Sáng	HHH.702	14/01/19-08/04/19	
ENGL1302	Đọc hiểu 1	45	4.5	NN410	Nguyễn Hồ Thanh	Trúc	TA18DB01	A8D1	3	Sáng	HHH.702	15/01/19-09/04/19	
VIET1201	Tiếng Việt thực hành	30	4.5				TA18DB01	A8D1	4	Sáng	HHH.103	16/01/19-20/03/19	
ENGL1305	Nghe nói 2	45	4.5	NN029	Hồ Đặng Tường	Nguyên	TA18DB01	A8D1	5	Sáng	HHH.702	17/01/19-11/04/19	
POLI1201	Những NLCB CN Mac - Lênin (P1)	30	4.5	GV627	Nguyễn Giang	Châu	TA18DB01	A8D1	6	Sáng	HHH.103	18/01/19-22/03/19	
COMP1401	Tin học đại cương	45	4.5	GV018	Thái Chí	Biên	TA18DB01	A8D1	7	Sáng	A.PM407	19/01/19-13/04/19	
ENGL1302	Đọc hiểu 1	45	4.5	NN390	Hồ Thị Xuân	Vương	TA18DB02	A8D2	2	Chiều	HHH.702	14/01/19-08/04/19	
ENGL1306	Viết 1	45	4.5	AV051	Lê Phương	Thảo	TA18DB02	A8D2	3	Chiều	HHH.702	15/01/19-09/04/19	
VIET1201	Tiếng Việt thực hành	30	4.5				TA18DB02	A8D2	4	Chiều	HHH.103	16/01/19-20/03/19	
ENGL1305	Nghe nói 2	45	4.5	NN220	Bùi Thị Thục	Quyên	TA18DB02	A8D2	5	Chiều	HHH.702	17/01/19-11/04/19	
POLI1201	Những NLCB CN Mac - Lênin (P1)	30	4.5	GV627	Nguyễn Giang	Châu	TA18DB02	A8D2	6	Chiều	HHH.103	18/01/19-22/03/19	
COMP1401	Tin học đại cương	45	4.5	GV018	Thái Chí	Biên	TA18DB02	A8D2	7	Chiều	A.PM407	19/01/19-13/04/19	
ENGL1302	Đọc hiểu 1	45	4.5	NN233	Ngô Vũ	Phong	TA18DB03	A8D3	2	Sáng	HHH.704	14/01/19-08/04/19	
ENGL1306	Viết 1	45	4.5				TA18DB03	A8D3	3	Sáng	HHH.704	15/01/19-09/04/19	
VIET1201	Tiếng Việt thực hành	30	4.5				TA18DB03	A8D1	4	Sáng	HHH.103	16/01/19-20/03/19	

Mã MH	Tên môn học	Số tiết	Số tiết/b uổi	Mã GV	Tên GV		Lớp	Nhóm	Thứ	Buổi	Phòng	Thời gian học	Ghi chú
COMP1401	Tin học đại cương	45	4.5	TH036	Nguyễn Thị Mai	Trang	TA18DB03	A8D3	4	Chiều	A.PM407	16/01/19-10/04/19	
ENGL1305	Nghe nói 2	45	4.5	NN220	Bùi Thị Thục	Quyên	TA18DB03	A8D3	5	Sáng	HHH.704	17/01/19-11/04/19	
POLI1201	Những NLCB CN Mac - Lênin (P1)	30	4.5	GV627	Nguyễn Giang	Châu	TA18DB03	A8D1	6	Sáng	HHH.103	18/01/19-22/03/19	
COMP1401	Tin học đại cương	45	4.5	KI162	Phạm Chí	Công	TA18DB04	A8D4	2	Chiều	A.PM407	14/01/19-08/04/19	
ENGL1305	Nghe nói 2	45	4.5	NN016	Nguyễn Như	Quỳnh	TA18DB04	A8D4	3	Chiều	HHH.704	15/01/19-09/04/19	
VIET1201	Tiếng Việt thực hành	30	4.5				TA18DB04	A8D2	4	Chiều	HHH.103	16/01/19-20/03/19	
ENGL1302	Đọc hiểu 1	45	4.5	NN395	Nguyễn Thùy	Tiên	TA18DB04	A8D4	5	Chiều	HHH.704	17/01/19-11/04/19	
POLI1201	Những NLCB CN Mac - Lênin (P1)	30	4.5	GV627	Nguyễn Giang	Châu	TA18DB04	A8D2	6	Chiều	HHH.103	18/01/19-22/03/19	
ENGL1306	Viết 1	45	4.5	NN339	Nguyễn Diên	Khương	TA18DB04	A8D4	7	Chiều	HHH.704	19/01/19-13/04/19	
NGÀNH CNKT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG													
MATH1304	Lý thuyết xác suất & thống kê	45	4.5	GV114	Võ Thanh	Hải	XD18DB01	X8D1	3	Chiều	A.402	15/01/19-09/04/19	
CENG1202	Nhận thức ngành (TT NT ngành)	30	4.5				XD18DB01	X8D1	4	Chiều	A.402	16/01/19-06/03/19	
MATH1403	Toán cao cấp (A2)	60	4.5	GV671	Hà Minh	Tuấn	XD18DB01	X8D1	5	Chiều	A.402	17/01/19-09/05/19	
POLI2302	Những NLCB CN Mac - Lênin (P2)	45	4.5	GV598	Nguyễn Thị Thanh	Liên	XD18DB01	X8D1	6	Chiều	A.402	18/01/19-12/04/19	
	Tiếng Anh không chuyên						<i>Sinh viên xem TKB theo danh sách chia nhóm</i>						
GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2													
PEDU0207	GDTC 2 (TC) - Bơi	30	4.5				_DBGDTC	DBB1	2	Sáng	HOBOI_2	14/01/19-15/04/19	
PEDU0207	GDTC 2 (TC) - Bơi	30	4.5				_DBGDTC	DBB2	2	Chiều	HOBOI_2	14/01/19-15/04/19	
PEDU0207	GDTC 2 (TC) - Bơi	30	4.5				_DBGDTC	DBB3	4	Sáng	HOBOI_2	16/01/19-17/04/19	
PEDU0207	GDTC 2 (TC) - Bơi	30	4.5				_DBGDTC	DBB4	4	Chiều	HOBOI_2	16/01/19-17/04/19	
PEDU0207	GDTC 2 (TC) - Bơi	30	4.5				_DBGDTC	DBB5	7	Sáng	HOBOI_2	19/01/19-20/04/19	
PEDU0207	GDTC 2 (TC) - Bơi	30	4.5				_DBGDTC	DBB6	7	Chiều	HOBOI_2	19/01/19-20/04/19	
PEDU0202	GDTC 2 (TC) - Bóng chuyền	30	4.5				_DBGDTC	DBC1	2	Sáng	SPT_02	14/01/19-15/04/19	
PEDU0202	GDTC 2 (TC) - Bóng chuyền	30	4.5				_DBGDTC	DBC2	2	Chiều	SPT_02	14/01/19-15/04/19	
PEDU0202	GDTC 2 (TC) - Bóng chuyền	30	4.5				_DBGDTC	DBC3	4	Sáng	SPT_02	16/01/19-17/04/19	
PEDU0202	GDTC 2 (TC) - Bóng chuyền	30	4.5				_DBGDTC	DBC4	7	Chiều	SPT_02	19/01/19-20/04/19	
PEDU0202	GDTC 2 (TC) - Bóng chuyền	30	4.5				_DBGDTC	DBC5	7	Sáng	SPT_02	19/01/19-20/04/19	
PEDU0205	GDTC 2 (TC) - Võ thuật	30	4.5				_DBGDTC	DBV1	2	Sáng	SPT_03	14/01/19-15/04/19	
PEDU0205	GDTC 2 (TC) - Võ thuật	30	4.5				_DBGDTC	DBV2	2	Chiều	SPT_03	14/01/19-15/04/19	
PEDU0205	GDTC 2 (TC) - Võ thuật	30	4.5				_DBGDTC	DBV3	4	Sáng	SPT_03	16/01/19-17/04/19	
PEDU0205	GDTC 2 (TC) - Võ thuật	30	4.5				_DBGDTC	DBV4	4	Chiều	SPT_03	16/01/19-17/04/19	
PEDU0205	GDTC 2 (TC) - Võ thuật	30	4.5				_DBGDTC	DBV5	7	Sáng	SPT_03	19/01/19-20/04/19	
PEDU0205	GDTC 2 (TC) - Võ thuật	30	4.5				_DBGDTC	DBV6	7	Chiều	SPT_03	19/01/19-20/04/19	
TIẾNG ANH KHÔNG CHUYÊN													
GENG0402	Tiếng Anh căn bản 2 (K2015)	60	4.5	NN182	Lê Thị	Hằng	_DBTACB2	DB21	2	Sáng	A.402	14/01/19-18/03/19	
GENG0402	Tiếng Anh căn bản 2 (K2015)		4.5	NN182	Lê Thị	Hằng	_DBTACB2	DB21	6	Sáng	A.402	18/01/19-22/03/19	
GENG0402	Tiếng Anh căn bản 2 (K2015)	60	4.5	NN243	Bùi Đỗ Công	Thành	_DBTACB2	DB22	2	Chiều	A.403	14/01/19-18/03/19	
GENG0402	Tiếng Anh căn bản 2 (K2015)		4.5	NN243	Bùi Đỗ Công	Thành	_DBTACB2	DB22	6	Chiều	A.403	18/01/19-22/03/19	

Mã MH	Tên môn học	Số tiết	Số tiết/b uổi	Mã GV	Tên GV		Lớp	Nhóm	Thứ	Buổi	Phòng	Thời gian học	Ghi chú
GENG0403	Tiếng Anh căn bản 3 (K2015)	60	4.5	NN402	Lương Minh	Hiếu	_DBTACB3	DB31	2	Sáng	A.402	01/04/19-13/05/19	
GENG0403	Tiếng Anh căn bản 3 (K2015)		4.5	NN402	Lương Minh	Hiếu	_DBTACB3	DB31	6	Sáng	A.402	05/04/19-17/05/19	
GENG0403	Tiếng Anh căn bản 3 (K2015)	60	4.5	NN324	Lê Đỗ Ngọc	Hằng	_DBTACB3	DB32	2	Chiều	A.403	01/04/19-13/05/19	
GENG0403	Tiếng Anh căn bản 3 (K2015)		4.5	NN324	Lê Đỗ Ngọc	Hằng	_DBTACB3	DB32	6	Chiều	A.403	05/04/19-17/05/19	
GENG0403	Tiếng Anh căn bản 3 (K2015)	60	4.5	NN106	Nguyễn Thị Gia	Định	_DBTACB3	DB33	3	Sáng	A.402	15/01/19-19/03/19	
GENG0403	Tiếng Anh căn bản 3 (K2015)		4.5	NN106	Nguyễn Thị Gia	Định	_DBTACB3	DB33	5	Sáng	A.402	17/01/19-21/03/19	
GENG0403	Tiếng Anh căn bản 3 (K2015)	60	4.5	NN106	Nguyễn Thị Gia	Định	_DBTACB3	DB34	3	Chiều	A.403	15/01/19-19/03/19	
GENG0403	Tiếng Anh căn bản 3 (K2015)		4.5	NN106	Nguyễn Thị Gia	Định	_DBTACB3	DB34	5	Chiều	A.403	17/01/19-21/03/19	
GENG0404	Tiếng Anh căn bản 4 (K2015)	60	4.5	NN254	Phạm Thị Hồng	Anh	_DBTACB4	DB41	2	Sáng	A.603	14/01/19-18/03/19	
GENG0404	Tiếng Anh căn bản 4 (K2015)		4.5	NN254	Phạm Thị Hồng	Anh	_DBTACB4	DB41	6	Sáng	A.603	18/01/19-22/03/19	
GENG0404	Tiếng Anh căn bản 4 (K2015)	60	4.5	NN324	Lê Đỗ Ngọc	Hằng	_DBTACB4	DB42	3	Sáng	A.412	15/01/19-19/03/19	
GENG0404	Tiếng Anh căn bản 4 (K2015)		4.5	NN324	Lê Đỗ Ngọc	Hằng	_DBTACB4	DB42	5	Sáng	A.412	17/01/19-21/03/19	
GENG0404	Tiếng Anh căn bản 4 (K2015)	60	4.5	NN366	Hồ Thị Ngọc	Thúy	_DBTACB4	DB43	3	Sáng	A.402	02/04/19-14/05/19	
GENG0404	Tiếng Anh căn bản 4 (K2015)		4.5	NN366	Hồ Thị Ngọc	Thúy	_DBTACB4	DB43	5	Sáng	A.402	04/04/19-16/05/19	
GENG0404	Tiếng Anh căn bản 4 (K2015)	60	4.5	NN106	Nguyễn Thị Gia	Định	_DBTACB4	DB44	3	Chiều	A.403	02/04/19-14/05/19	
GENG0404	Tiếng Anh căn bản 4 (K2015)		4.5	NN106	Nguyễn Thị Gia	Định	_DBTACB4	DB44	5	Chiều	A.403	04/04/19-16/05/19	
GENG0404	Tiếng Anh căn bản 4 (K2015)	60	4.5	NN324	Lê Đỗ Ngọc	Hằng	_DBTACB4	DB45	2	Chiều	A.603	14/01/19-18/03/19	
GENG0404	Tiếng Anh căn bản 4 (K2015)		4.5	NN324	Lê Đỗ Ngọc	Hằng	_DBTACB4	DB45	6	Chiều	A.603	18/01/19-22/03/19	
GENG0405	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2015)	60	4.5	NN399	Hồ Lệ	Hằng	_DBTANC1	DB51	2	Sáng	A.603	01/04/19-13/05/19	
GENG0405	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2015)		4.5	NN399	Hồ Lệ	Hằng	_DBTANC1	DB51	6	Sáng	A.603	05/04/19-17/05/19	
GENG0405	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2015)	60	4.5	NN283	Nguyễn Thành	Tuân	_DBTANC1	DB52	3	Sáng	A.412	02/04/19-14/05/19	
GENG0405	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2015)		4.5	NN283	Nguyễn Thành	Tuân	_DBTANC1	DB52	5	Sáng	A.412	04/04/19-16/05/19	
GENG0405	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2015)	60	4.5	NN283	Nguyễn Thành	Tuân	_DBTANC1	DB53	3	Sáng	A.603	15/01/19-19/03/19	
GENG0405	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2015)		4.5	NN283	Nguyễn Thành	Tuân	_DBTANC1	DB53	5	Sáng	A.603	17/01/19-21/03/19	
GENG0405	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2015)	60	4.5	NN324	Lê Đỗ Ngọc	Hằng	_DBTANC1	DB54	3	Chiều	A.603	15/01/19-19/03/19	
GENG0405	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2015)		4.5	NN324	Lê Đỗ Ngọc	Hằng	_DBTANC1	DB54	5	Chiều	A.603	17/01/19-21/03/19	
GENG0405	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2015)	60	4.5	NN243	Bùi Đỗ Công	Thành	_DBTANC1	DB55	2	Chiều	A.603	01/04/19-13/05/19	
GENG0405	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2015)		4.5	NN243	Bùi Đỗ Công	Thành	_DBTANC1	DB55	6	Chiều	A.603	05/04/19-17/05/19	
GENG0406	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2015)	60	4.5				_DBTANC2	DB61	2	Sáng	A.403	14/01/19-18/03/19	
GENG0406	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2015)		4.5				_DBTANC2	DB61	6	Sáng	A.403	18/01/19-22/03/19	
GENG0406	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2015)	60	4.5	NN376	Quan Vũ Ngọc	Liên	_DBTANC2	DB62	2	Chiều	A.409	14/01/19-18/03/19	
GENG0406	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2015)		4.5	NN376	Quan Vũ Ngọc	Liên	_DBTANC2	DB62	6	Chiều	A.409	18/01/19-22/03/19	
GENG0406	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2015)	60	4.5	NN303	Trần Hoàng	Yến	_DBTANC2	DB63	3	Sáng	A.603	02/04/19-14/05/19	
GENG0406	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2015)		4.5	NN303	Trần Hoàng	Yến	_DBTANC2	DB63	5	Sáng	A.603	04/04/19-16/05/19	
GENG0406	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2015)	60	4.5	NN324	Lê Đỗ Ngọc	Hằng	_DBTANC2	DB64	3	Chiều	A.603	02/04/19-14/05/19	
GENG0406	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2015)		4.5	NN324	Lê Đỗ Ngọc	Hằng	_DBTANC2	DB64	5	Chiều	A.603	04/04/19-16/05/19	
GENG0406	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2015)	60	4.5	AV204	Ngô Thị Bạch	Loan	_DBTANC2	DB65	3	Sáng	A.403	15/01/19-07/05/19	
GENG0406	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2015)	60	4.5	NN191	Nguyễn Thị	Thu	_DBTANC2	DB66	3	Chiều	A.409	15/01/19-07/05/19	
GENG0406	Tiếng Anh Nâng cao 2 (K2015)	60	4.5	AV011	Nguyễn Thị	Hạnh	_DBTANC2	DB67	5	Sáng	A.403	17/01/19-09/05/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)	60	4.5	NN254	Phạm Thị Hồng	Anh	_DBTANC3	DB71	2	Sáng	A.403	01/04/19-13/05/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)		4.5	NN254	Phạm Thị Hồng	Anh	_DBTANC3	DB71	6	Sáng	A.403	05/04/19-17/05/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)	60	4.5	NN399	Hồ Lệ	Hằng	_DBTANC3	DB72	2	Chiều	A.409	01/04/19-13/05/19	

Mã MH	Tên môn học	Số tiết	Số tiết/b uổi	Mã GV	Tên GV		Lớp	Nhóm	Thứ	Buổi	Phòng	Thời gian học	Ghi chú
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)		4.5	NN399	Hồ Lệ Hằng		_DBTANC3	DB72	6	Chiều	A.409	05/04/19-17/05/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)	60	4.5	NN106	Nguyễn Thị Gia Định		_DBTANC3	DB73	2	Sáng	A.411	14/01/19-18/03/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)		4.5	NN106	Nguyễn Thị Gia Định		_DBTANC3	DB73	6	Sáng	A.411	18/01/19-22/03/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)	60	4.5	NN403	Lê Thụy Kiều Khanh		_DBTANC3	DB74	2	Chiều	A.411	14/01/19-18/03/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)		4.5	NN403	Lê Thụy Kiều Khanh		_DBTANC3	DB74	6	Chiều	A.411	18/01/19-22/03/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)	60	4.5	NN366	Hồ Thị Ngọc Thúy		_DBTANC3	DB75	3	Sáng	A.411	15/01/19-19/03/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)		4.5	NN366	Hồ Thị Ngọc Thúy		_DBTANC3	DB75	5	Sáng	A.411	17/01/19-21/03/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)	60	4.5	NN376	Quan Vũ Ngọc Liên		_DBTANC3	DB76	3	Chiều	A.411	15/01/19-19/03/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)		4.5	NN376	Quan Vũ Ngọc Liên		_DBTANC3	DB76	5	Chiều	A.411	17/01/19-21/03/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)	60	4.5	NN346	Trần Như Hạnh		_DBTANC3	DB77	2	Sáng	A.506	14/01/19-18/03/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)		4.5	NN346	Trần Như Hạnh		_DBTANC3	DB77	6	Sáng	A.506	18/01/19-22/03/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)	60	4.5	NN106	Nguyễn Thị Gia Định		_DBTANC3	DB78	2	Chiều	A.506	14/01/19-18/03/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)		4.5	NN106	Nguyễn Thị Gia Định		_DBTANC3	DB78	6	Chiều	A.506	18/01/19-22/03/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)	60	4.5	NN367	Nguyễn Thùy Vân		_DBTANC3	DB79	3	Sáng	A.506	15/01/19-19/03/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)		4.5	NN367	Nguyễn Thùy Vân		_DBTANC3	DB79	5	Sáng	A.506	17/01/19-21/03/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)	60	4.5	NN403	Lê Thụy Kiều Khanh		_DBTANC3	DB7A	3	Chiều	A.506	15/01/19-19/03/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)		4.5	NN403	Lê Thụy Kiều Khanh		_DBTANC3	DB7A	5	Chiều	A.506	17/01/19-21/03/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)	60	4.5				_DBTANC3	DB7B	2	Sáng	A.305	14/01/19-18/03/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)		4.5				_DBTANC3	DB7B	6	Sáng	A.307	18/01/19-22/03/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)	60	4.5	NN016	Nguyễn Như Quỳnh		_DBTANC3	DB7C	2	Chiều	A.402	14/01/19-18/03/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)		4.5	NN016	Nguyễn Như Quỳnh		_DBTANC3	DB7C	6	Chiều	A.313	18/01/19-22/03/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)	60	4.5	NN366	Hồ Thị Ngọc Thúy		_DBTANC3	DB7D	4	Sáng	A.506	16/01/19-08/05/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)	60	4.5	NN376	Quan Vũ Ngọc Liên		_DBTANC3	DB7E	4	Chiều	A.506	16/01/19-08/05/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)	60	4.5				_DBTANC3	DB7F	2	Sáng	A.308	14/01/19-06/05/19	
GENG0407	Tiếng Anh nâng cao 3 (2015-ĐB)	60	4.5	NN191	Nguyễn Thị Thu		_DBTANC3	DB7G	2	Chiều	A.301	14/01/19-06/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)	60	4.5	AV051	Lê Phương Thảo		_DBTANC4	DB81	4	Sáng	A.411	16/01/19-08/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)	60	4.5	NN385	Nguyễn Sỹ Tú		_DBTANC4	DB82	4	Chiều	A.403	16/01/19-08/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)	60	4.5	NN346	Trần Như Hạnh		_DBTANC4	DB83	2	Sáng	A.411	01/04/19-13/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)		4.5	NN346	Trần Như Hạnh		_DBTANC4	DB83	6	Sáng	A.411	05/04/19-17/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)	60	4.5	NN403	Lê Thụy Kiều Khanh		_DBTANC4	DB84	2	Chiều	A.411	01/04/19-13/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)		4.5	NN403	Lê Thụy Kiều Khanh		_DBTANC4	DB84	6	Chiều	A.411	05/04/19-17/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)	60	4.5	NN367	Nguyễn Thùy Vân		_DBTANC4	DB85	3	Sáng	A.411	02/04/19-14/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)		4.5	NN367	Nguyễn Thùy Vân		_DBTANC4	DB85	5	Sáng	A.411	04/04/19-16/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)	60	4.5	NN376	Quan Vũ Ngọc Liên		_DBTANC4	DB86	3	Chiều	A.411	02/04/19-14/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)		4.5	NN376	Quan Vũ Ngọc Liên		_DBTANC4	DB86	5	Chiều	A.411	04/04/19-16/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)	60	4.5	NN106	Nguyễn Thị Gia Định		_DBTANC4	DB87	2	Sáng	A.506	01/04/19-13/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)		4.5	NN106	Nguyễn Thị Gia Định		_DBTANC4	DB87	6	Sáng	A.506	05/04/19-17/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)	60	4.5	NN376	Quan Vũ Ngọc Liên		_DBTANC4	DB88	2	Chiều	A.506	01/04/19-13/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)		4.5	NN376	Quan Vũ Ngọc Liên		_DBTANC4	DB88	6	Chiều	A.506	05/04/19-17/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)	60	4.5	NN106	Nguyễn Thị Gia Định		_DBTANC4	DB89	3	Sáng	A.506	02/04/19-14/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)		4.5	NN106	Nguyễn Thị Gia Định		_DBTANC4	DB89	5	Sáng	A.506	04/04/19-16/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)	60	4.5	NN403	Lê Thụy Kiều Khanh		_DBTANC4	DB8A	3	Chiều	A.506	02/04/19-14/05/19	

Mã MH	Tên môn học	Số tiết	Số tiết/b uổi	Mã GV	Tên GV		Lớp	Nhóm	Thứ	Buổi	Phòng	Thời gian học	Ghi chú
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)		4.5	NN403	Lê Thụy Kiều	Khanh	_DBTANC4	DB8A	5	Chiều	A.506	04/04/19-16/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)	60	4.5	NN182	Lê Thị Hằng	Hằng	_DBTANC4	DB8B	2	Sáng	A.305	01/04/19-13/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)		4.5	NN182	Lê Thị Hằng	Hằng	_DBTANC4	DB8B	6	Sáng	A.305	05/04/19-17/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)	60	4.5	NN106	Nguyễn Thị Gia Định	Định	_DBTANC4	DB8C	2	Chiều	A.402	01/04/19-13/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)		4.5	NN106	Nguyễn Thị Gia Định	Định	_DBTANC4	DB8C	6	Chiều	A.313	05/04/19-17/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)	60	4.5				_DBTANC4	DB8D	2	Sáng	A.408	14/01/19-06/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)	60	4.5	NN385	Nguyễn Sỹ Tú	Tú	_DBTANC4	DB8E	2	Chiều	A.408	14/01/19-06/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)	60	4.5	NN366	Hồ Thị Ngọc Thúy	Thúy	_DBTANC4	DB8F	6	Sáng	A.309	18/01/19-10/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)	60	4.5	AV051	Lê Phương Thảo	Thảo	_DBTANC4	DB8G	6	Chiều	A.412	18/01/19-10/05/19	
GENG0408	Tiếng Anh nâng cao 4 (2015-ĐB)	60	4.5				_DBTANC4	DB8H	2	Sáng	A.405	14/01/19-06/05/19	
GENG0410	Tiếng Anh Nâng cao 6 (K2015)	60	4.5	NN367	Nguyễn Thùy Vân	Vân	_DBTANC6	DBA1	2	Sáng	A.313	14/01/19-06/05/19	
GENG0410	Tiếng Anh Nâng cao 6 (K2015)	60	4.5	AV051	Lê Phương Thảo	Thảo	_DBTANC6	DBA2	2	Chiều	A.309	14/01/19-06/05/19	
GENG0410	Tiếng Anh Nâng cao 6 (K2015)	60	4.5	NN346	Trần Như Hạnh	Hạnh	_DBTANC6	DBA3	4	Sáng	A.402	16/01/19-08/05/19	
GENG0410	Tiếng Anh Nâng cao 6 (K2015)	60	4.5	NN403	Lê Thụy Kiều Khanh	Khanh	_DBTANC6	DBA4	4	Chiều	A.603	16/01/19-08/05/19	
GENG0410	Tiếng Anh Nâng cao 6 (K2015)	60	4.5	AV051	Lê Phương Thảo	Thảo	_DBTANC6	DBA5	6	Sáng	A.412	18/01/19-10/05/19	
GENG0411	Tiếng Anh nâng cao 7	60	4.5				_DBTANC7	DBB1	2	Sáng	A.409	14/01/19-06/05/19	
GENG0411	Tiếng Anh nâng cao 7	60	4.5	AV121	Bùi Thị Phương Thảo	Thảo	_DBTANC7	DBB2	2	Chiều	A.404	14/01/19-06/05/19	
GENG0411	Tiếng Anh nâng cao 7	60	4.5	AV204	Ngô Thị Bạch Loan	Loan	_DBTANC7	DBB3	5	Sáng	A.406	17/01/19-09/05/19	
GENG0411	Tiếng Anh nâng cao 7		4.5	AV204	Ngô Thị Bạch Loan	Loan	_DBTANC7	DBB4	5	Chiều	A.409	17/01/19-09/05/19	
GENG0412	Tiếng Anh nâng cao 8	60	4.5	NN366	Hồ Thị Ngọc Thúy	Thúy	_DBTANC8	DBC1	2	Sáng	A.412	14/01/19-06/05/19	
GENG0412	Tiếng Anh nâng cao 8	60	4.5	NN366	Hồ Thị Ngọc Thúy	Thúy	_DBTANC8	DBC2	2	Chiều	A.412	14/01/19-06/05/19	
GENG0412	Tiếng Anh nâng cao 8	60	4.5	NN367	Nguyễn Thùy Vân	Vân	_DBTANC8	DBC3	4	Sáng	A.403	16/01/19-08/05/19	
GENG0412	Tiếng Anh nâng cao 8	60	4.5	NN269	Nguyễn Châu Bích Tuyền	Tuyền	_DBTANC8	DBC4	3	Chiều	A.412	15/01/19-07/05/19	